

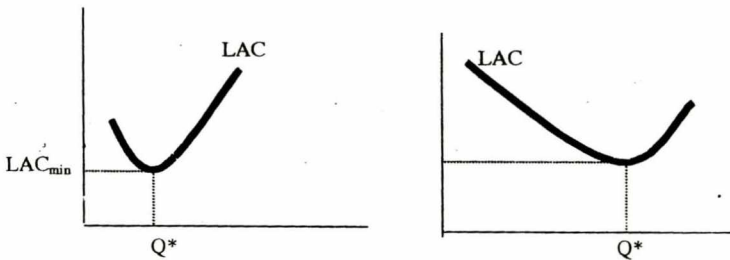
+ Sự liên lạc giữa các nhân viên quản trị tối cao và giữa các cấp ngày càng lỏng lẻo, các thông tin phản ánh không kịp thời, dẫn đến hiệu quả hoạt động của các khâu, các cấp ngày càng kém hiệu quả.

+ Bệnh quan liêu, giấy tờ tăng lên, chi phí quản lý tăng lên.

Xuất phát từ việc mở rộng quy mô sản xuất quá lớn, việc quản lý xí nghiệp kém hiệu quả, thể hiện năng suất giảm theo quy mô và chi phí tăng lên theo quy mô, bộc lộ tính phi kinh tế theo quy mô.

Tóm lại, khi mở rộng quy mô sản xuất, tính kinh tế theo quy mô xuất hiện và phát huy tác dụng sẽ làm cho LAC giảm (đường LAC đi xuống), sau đó yếu tố phi kinh tế xuất hiện, lớn mạnh và lấn át yếu tố kinh tế, sẽ làm cho LAC tăng lên (đường LAC đi lên).

Tùy theo đặc điểm của mỗi ngành khác nhau mà đường LAC có các dạng khác nhau.



Hình 4.13

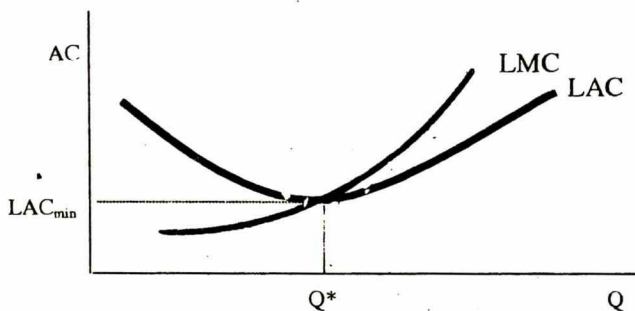
### 3. Chi phí biên dài hạn (LMC)

Chi phí biên dài hạn là sự thay đổi trong tổng chi phí dài hạn khi thay đổi 1 đơn vị sản phẩm được sản xuất trong dài hạn.

$$LMC = \frac{\Delta LTC}{\Delta Q}$$

Đường LMC có mối quan hệ với LAC cũng tương tự như mối quan hệ giữa MC và AC nghĩa là:

- Khi  $LMC < LAC$  thì LAC giảm dần
- Khi  $LMC = LAC$  thì LAC đạt cực tiểu
- Khi  $LMC > LAC$  thì LAC tăng dần



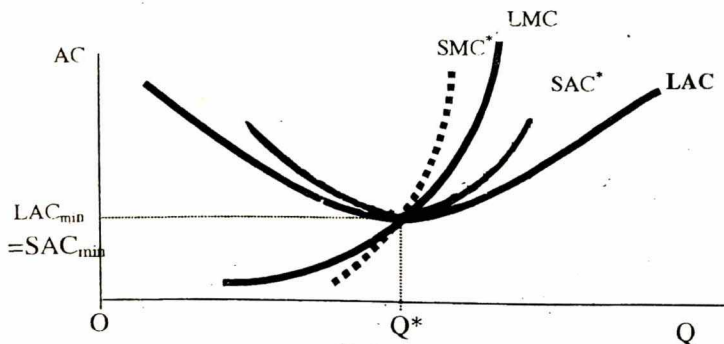
Hình 4.14

#### 4. Quy mô sản xuất tối ưu

Quy mô sản xuất tối ưu là quy mô sản xuất có hiệu quả nhất trong tất cả các quy mô sản xuất mà xí nghiệp có thể thiết lập. Đó là quy mô sản xuất tiếp xúc với đường LAC tại điểm cực tiểu của cả 2 đường (hình 4.15).

Tại  $Q^*$  :  $LAC_{min} = SAC_{min} = LMC = SMC^*$

Nhưng ở các  $Q \neq Q^*$  : thì  $SAC > LAC$



Hình 4.15

Do vậy, chỉ ở sản lượng tối ưu  $Q^*$  xí nghiệp mới thiết lập quy mô sản xuất tối ưu (SAC\*). Còn ở các sản lượng khác, xí nghiệp sẽ không thiết lập quy mô sản xuất tối ưu, mà xí nghiệp sẽ chọn các quy mô sản xuất khác đem lại chi phí thấp nhất tương ứng ở mỗi mức sản lượng.

- Như vậy *qui mô phù hợp* để sản xuất một mức sản lượng cho trước với chi phí sản xuất tối thiểu trong dài hạn, là quy mô sản xuất (SAC) tiếp xúc với đường LAC tại sản lượng cần sản xuất.

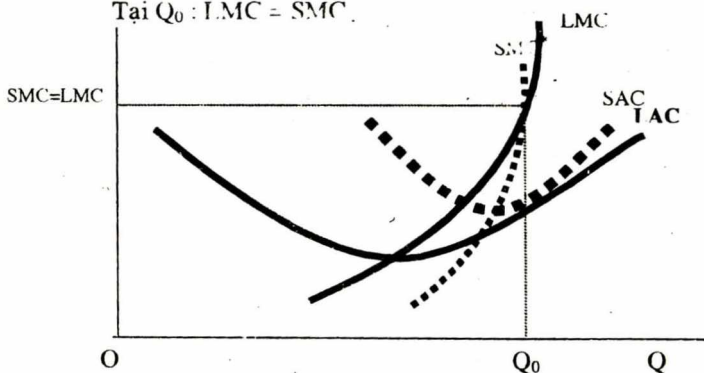
- Mối liên hệ giữa LMC và SMC:

Khi xí nghiệp đã thiết lập được quy mô sản xuất hợp lý tương ứng ở mỗi mức sản lượng, thì lúc đó chi phí biên ngắn hạn SMC cũng bằng chi phí biên dài hạn LMC tại sản lượng đó (hình 4.16).

Ở những mức sản lượng  $Q < Q_0$  :  $LMC > SMC$

Ở những mức sản lượng  $Q > Q_0$  :  $LMC < SMC$

Tại  $Q_0$  :  $LMC = SMC$ .



Hình 4.16

Trên hình 4.16, mức sản lượng mà xí nghiệp sản xuất là  $Q_0$  lớn hơn mức sản lượng tối ưu trong dài hạn, qui mô được lựa chọn là SAC lớn hơn qui mô tối ưu. Tại  $Q_0$  :  $LMC = SMC$ . Với bất kỳ mức sản lượng nào khác, nếu qui mô được lựa chọn thích hợp với mức sản lượng ấy thì ta đều có  $LMC = SMC$ , tương tự như ví dụ ở hình 4.16.

## Chương 5

**THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN TOÀN****I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN****1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn toàn**

Thị trường cạnh tranh hoàn toàn phải hội đủ những điều kiện sau đây:

*Thứ nhất*, số lượng người tham gia thị trường phải tương đối lớn, nghĩa là số lượng người tham gia thị trường phải đạt tới mức sao cho lượng hàng hóa mà từng xí nghiệp cung ứng là rất nhỏ so với lượng được cung ứng trên thị trường, do đó họ không thể ảnh hưởng đến giá thị trường, họ chỉ là những “*người nhận giá*”. Xí nghiệp chỉ có thể kiểm soát sản lượng sản phẩm sản xuất ra và sự phối hợp các yếu tố sản xuất, không thể kiểm soát giá sản phẩm trên thị trường.

*Thứ hai*, xí nghiệp có thể tham gia và rút khỏi thị trường một cách dễ dàng, nghĩa là các xí nghiệp và các yếu tố sản xuất có thể di chuyển tự do từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác, để tìm kiếm con đường nào có lợi nhất. Đây không phải là điều kiện thực hiện dễ dàng, vì bị hạn chế bởi nhiều rào cản về mặt luật pháp, tài chính, tiền vốn, tính chất kỹ thuật đặc thù của máy móc thiết bị.

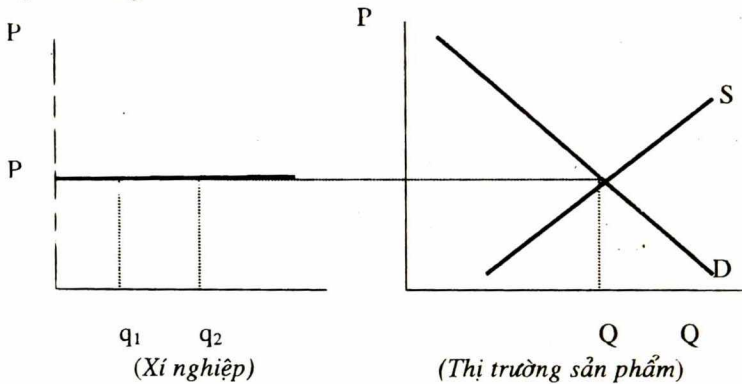
*Thứ ba*, sản phẩm của các xí nghiệp phải đồng nhất với nhau, nghĩa là hàng hóa sản xuất ra phải hoàn toàn giống nhau về mọi mặt như về chất lượng, hình thức bên ngoài. Hay nói cách khác là sản phẩm của các xí nghiệp hoàn toàn có thể thay thế cho nhau.

*Thứ tư*, người mua và người bán phải nắm được thông tin thực tế về giá cả của các sản phẩm trên thị trường.

## 2. Đặc điểm của xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn

Từ những đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn toàn dẫn đến những đặc điểm của xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

*Đường cầu của sản phẩm đứng trước xí nghiệp (d)* trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn là một đường thẳng nằm ngang mức giá  $P$  của thị trường, hay nói cách khác nó là một đường cầu hoàn toàn co giãn theo giá



Hình 5.1

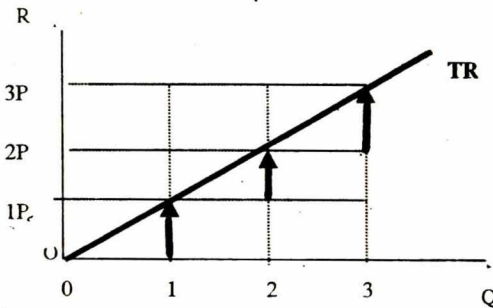
*Tổng doanh thu (TR)* của xí nghiệp là toàn bộ số tiền mà xí nghiệp nhận được, khi tiêu thụ một số lượng sản phẩm nhất định. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, vì số lượng bán của mỗi xí nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số lượng bán trên thị trường, do đó việc xí nghiệp quyết định sản xuất bao nhiêu sẽ không tác động đến giá thị trường của sản phẩm. Xí nghiệp có thể bán những mức sản lượng khác nhau với cùng một mức giá, do đó đường tổng doanh thu là một đường thẳng có độ dốc là  $P$  dốc lên từ gốc  $O$ :

$$TR = PQ$$

*Doanh thu biên (MR)*, là doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi xí nghiệp bán thêm một đơn vị sản phẩm trong mỗi đơn vị thời gian.

$$MR_Q = TR_Q - TR_{Q-1}$$

$$= \frac{\Delta TR}{\Delta Q} = \frac{dTR}{dQ}$$



Hình 5.2

Trong điều kiện thị trường cạnh tranh hoàn toàn, vì giá sản phẩm không đổi, nên sự thay đổi tổng doanh thu do thay đổi một đơn vị sản phẩm bán được sẽ ngang bằng giá bán sản phẩm. Doanh thu biên và giá sản phẩm luôn bằng nhau:  $MR = P$ , nên đường  $MR$  cũng là đường nằm ngang mức giá  $P$ . Trên đồ thị,  $MR$  là độ dốc của đường  $TR$ .

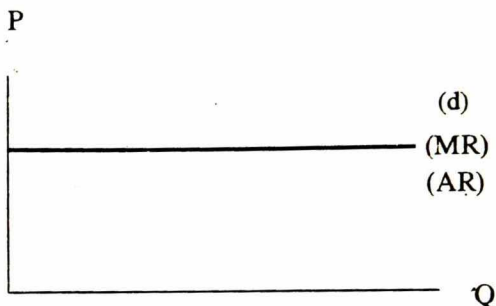
*Doanh thu trung bình (AR)* là mức doanh thu mà xí nghiệp nhận được tính trung bình cho một đơn vị sản phẩm bán được.

$$AR = \frac{TR}{Q} = \frac{PQ}{Q} = P$$

Như vậy trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn doanh thu biên bằng doanh thu trung bình và bằng giá của sản phẩm:  $MR = AR = P$ , do đó đường cầu đứng trước xí nghiệp, đường doanh thu biên và đường doanh thu trung bình trùng nhau (hình 5.3).

*Tổng lợi nhuận ( $\pi$ )* của xí nghiệp là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu ( $TR$ ) và tổng chi phí sản xuất ( $TC$ ).

$$\pi(Q) = TR(Q) - TC(Q)$$



Hình 5.3

Phần tiếp theo, chúng ta sẽ đề cập đến những nội dung sau đây:

- Xác định giá và sản lượng trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn trong các khoảng thời gian khác nhau: nhất thời, ngắn hạn và dài hạn.
- Tổ chức sản xuất trong những điều kiện cạnh tranh hoàn toàn.
- Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn toàn.

## II. PHÂN TÍCH TRONG NHẤT THỜI

Nhất thời là khoảng thời gian rất ngắn nên lượng cung ứng sản phẩm không thể thay đổi. Phân tích trong nhất thời nhằm giải thích việc định giá và số lượng trong những trường hợp theo đó những số lượng sản phẩm đã có sẵn. Hai vấn đề căn bản trong nhất thời cần giải quyết là:

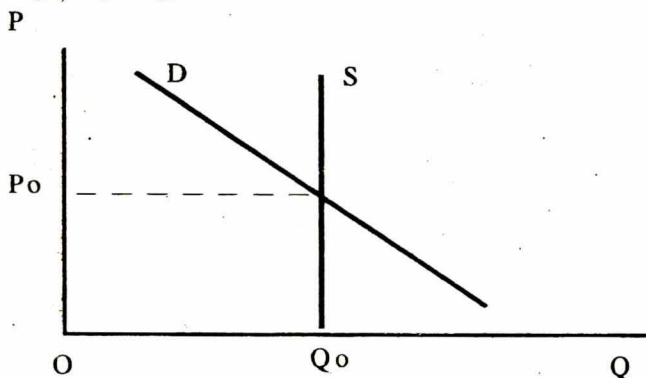
- Những lượng cung sẵn có của các hàng hóa được phân phối như thế nào cho những người tiêu thụ.
- Những lượng cung sẵn có được tung ra theo những tỷ lệ nào qua các giai đoạn trong nhất thời.

### 1. Phân phối lượng cung trong nhất thời cho người tiêu thụ.

Giá cả là cơ chế phân phối lượng cung cố định cho những

người tiêu thụ cần đến chúng. Giả sử khoảng thời gian mà lượng cung cố định là một ngày và chúng ta vẽ đường cầu của một sản phẩm như trong hình 5.4.

Trên đồ thị đường cung song song với trục tung vì lượng cung cố định hàng ngày. Mức giá sẽ làm cho thị trường cân bằng, bất cứ người nào chấp nhận mức giá  $P_0$  sẽ mua được sản phẩm đó với bất cứ số lượng nào mong muốn. Ở dưới mức giá  $P_0$ , tình trạng thiếu hụt hàng hóa sẽ xảy ra và những người tiêu thụ sẽ đẩy giá trở lên. Ngược lại ở phía trên mức giá  $P_0$  sẽ xảy ra tình trạng dư thừa và những người bán sẽ cạnh tranh hạ giá xuống để bán lượng hàng thừa đó đó. Ở tại mức giá  $P_0$ , những người tiêu thụ sẽ tự giới hạn tiêu thụ trong lượng cung cố định  $Q_0$ .



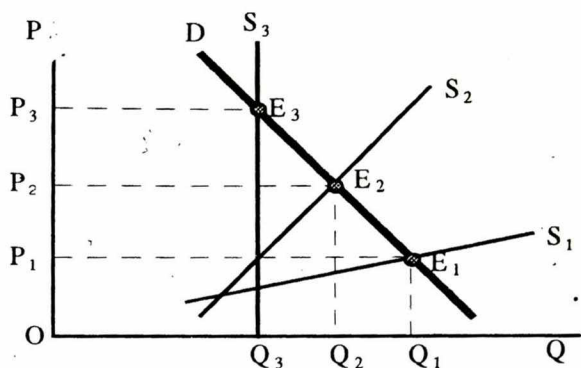
Hình 5.4

## 2. Phân phối lượng cung nhất định qua các giai đoạn

Giả sử khoảng thời gian nhất thời là 1 năm, mỗi đường cầu chỉ áp dụng cho giai đoạn 4 tháng và giả sử những đường cầu như nhau qua 3 giai đoạn. Giả sử những người bán dự đoán đúng nhu cầu thị trường cho mỗi giai đoạn 4 tháng và quyết định bán hay không tùy theo tình hình thị trường.

Trong giai đoạn 4 tháng thứ nhất đường cung không song song với trục tung, bởi vì họ có thể chọn lựa bán trong những giai đoạn





Hình 5.5

đoạn nào có lợi nhất. Giá càng cao trong giai đoạn này thì họ sẽ tung hàng hóa ra nhiều. Cho nên đường cung là một đường dốc lên trên  $S_1$ . Mức giá trên thị trường là  $P_1$  với số lượng bán là  $Q_1$ .

Trong giai đoạn 4 tháng thứ hai, đường cung  $S_2$  nằm phía bên trên  $S_1$  ngoại trừ ở mức giá thấp. Mức giá  $P_2$  phải lớn hơn  $P_1$  để bù đắp vào chi phí dự trữ, bảo quản, hao hụt và có mức lời thông thường về đầu tư số hàng hóa được giữ lại cho giai đoạn hai. Còn ở mức giá thấp, những cơ hội về bán hàng hóa bị thu hẹp, cho nên họ sẽ tung hàng hóa ra nhiều hơn so với trong giai đoạn một. Đường cung  $S_2$  ít co giãn hơn  $S_1$  bởi vì lúc này chỉ còn có hai giai đoạn.

Trong giai đoạn 4 tháng thứ ba, đường cung  $S_3$  nằm trên  $S_2$  và hoàn toàn không co giãn. Mức giá thị trường sẽ là  $P_3$  với số lượng bán là  $Q_3$ .

Trong trường hợp người bán dự đoán đúng số cầu ở mỗi giai đoạn, thì mức giá ở mỗi giai đoạn từ từ cao hơn. Còn nếu dự đoán sai, thì mức giá hàng hóa ở giai đoạn sau sẽ thấp hơn mức giá ở giai đoạn trước.

Như vậy, ngay khi một hàng hóa được tung ra thị trường với số lượng cố định, chi phí sản xuất không đóng vai trò nào trong việc

ấn định giá bán. Giá của hàng hóa trên thị trường được quyết định bởi lượng cung cố định tương ứng với số cầu sản phẩm.

### III. PHÂN TÍCH TRONG NGẮN HẠN.

Trong ngắn hạn, xí nghiệp tự do thay đổi sản lượng nhưng không đủ thời gian để thay đổi quy mô sản xuất, số xí nghiệp trong ngành cố định vì những xí nghiệp mới không có đủ thời gian gia nhập và những xí nghiệp cũ không có đủ thời gian để rút lui. Sự thay đổi sản lượng trong ngành, là do sự thay đổi cường độ sử dụng máy móc sản xuất của xí nghiệp. Vấn đề đặt ra cho xí nghiệp là ấn định sản lượng sản xuất với giá bán trên thị trường như thế nào để tối đa hoá lợi nhuận hoặc tối thiểu hóa lỗ lã.

#### 1. Xí nghiệp

##### a. Tối đa hóa lợi nhuận

Trong ngắn hạn, một xí nghiệp hoạt động với qui mô sản xuất cố định và phải lựa chọn mức sản lượng bao nhiêu để tối đa hóa lợi nhuận. Vì tầm quan trọng của nó, chúng ta sẽ giải thích vấn đề tối đa hóa lợi nhuận bằng ba cách khác nhau: bằng bảng số, bằng đồ thị và bằng đại số học.

*Phân tích bằng số liệu:*

Bảng 5.1: Bảng số liệu về doanh thu và chi phí trong ngắn hạn của một xí nghiệp

Đơn vị tính: 1000đ

| Q  | P    | TR    | TC    | Π      | MC    | MR   |
|----|------|-------|-------|--------|-------|------|
| 0  | 5,00 | 0     | 15,00 | -15,00 | --    | 5,00 |
| 1  | 5,00 | 5,00  | 17,00 | -12,00 | 2,00  | 5,00 |
| 2  | 5,00 | 10,00 | 18,50 | -8,50  | 1,50  | 5,00 |
| 3  | 5,00 | 15,00 | 19,50 | -4,50  | 1,00  | 5,00 |
| 4  | 5,00 | 20,00 | 20,75 | -0,75  | 1,25  | 5,00 |
| 5  | 5,00 | 25,00 | 22,25 | +2,25  | 1,50  | 5,00 |
| 6  | 5,00 | 30,00 | 24,25 | +5,75  | 2,00  | 5,00 |
| 7  | 5,00 | 35,00 | 27,50 | +7,50  | 3,25  | 5,00 |
| 8  | 5,00 | 40,00 | 32,30 | +7,70  | 4,80  | 5,00 |
| 9  | 5,00 | 45,00 | 40,50 | +4,50  | 8,20  | 5,00 |
| 10 | 5,00 | 50,00 | 52,50 | -2,50  | 12,00 | 5,00 |